

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 01-11-2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L - TỈNH Đ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tô**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Ảnh** và ông **Nguyễn Trường Thọ**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hiền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Khánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 418/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Minh T**, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố N, phường T, thành phố L, tỉnh Đ; nơi cư trú: Số nhà 804, khu phố T, thị trấn, huyện T, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1973; nơi cư trú: Khu phố Núi Tung, phường T, thành phố L, tỉnh Đ.

(Bà T, ông T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-6-2019, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Trương Thị Minh T trình bày, tranh luận:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Văn T quen biết nhau được khoảng 01 (Một) năm thì tiến tới hôn nhân, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L (cũ), được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29-7-1996.

Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cá tính không hợp nhau. Theo bà T, ông T thường xuyên sử dụng rượu, bia, không quan tâm xây dựng kinh tế gia đình, không quan tâm đến đời sống của các thành viên trong gia đình. Bà T đã nhiều lần khuyên can, nhưng ông T vẫn

không sửa đổi. Vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, xúc phạm danh dự của nhau. Nhiều lần ông T đánh đập bà (không để lại thương tích đáng kể). Mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng từ khoảng năm 2018, bà có báo sự việc bà bị ông T đánh đập cho chính quyền địa phương, Công an xã T đã can thiệp, nhắc nhở và giáo dục đối với ông T nhưng được một thời gian ngắn, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ cuối năm 2018, bà T chuyển ra ngoài sinh sống tại: Khu phố Trần Hưng Đạo, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đ, vợ chồng không còn sống chung từ đó cho đến nay. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con: Theo bà T, vợ chồng có 02 (Hai) người con là: Nguyễn Minh Thành, sinh ngày 09-12-1996 và Nguyễn Thị Vân Lam, sinh ngày 19-10-2001. Quá trình chuẩn bị xét xử, con Nguyễn Thị Vân Lam chưa đủ 18 tuổi, nên bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Đến thời điểm xét xử, các con đều đã thành niên và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Theo bà T, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo bà T, vợ chồng không nợ bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-9-2019, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày, tranh luận:

Về việc xác lập quan hệ hôn nhân của vợ chồng, ông T thừa nhận đúng như bà T đã trình bày, ông bà quen biết nhau khoảng một năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Ông T thừa nhận, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống, cá tính vợ chồng không hợp nhau. Bản thân ông thường xuyên sử dụng rượu, bia, bà T đã nhiều lần khuyên can nhưng ông không thể thay đổi. Từ đó, vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, xúc phạm danh dự của nhau, có lần do không kiềm chế được bản thân, ông T có dùng tay đánh bà T nhưng không để lại thương tích gì. Vợ chồng được chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải, nhưng do mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, nên không thể tiếp tục chung sống. Từ đầu năm 2019, vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Ông T xác định, vợ chồng đã không còn cơ hội đoàn tụ, bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Tuy nhiên, do công việc bận, không thể sắp xếp thời gian tham gia phiên tòa, vì vậy, ông T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con: Ông T thừa nhận, vợ chồng có hai người con như bà T trình bày là đúng, hiện các con đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Ông T xác định, vợ chồng không nợ bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thực tế mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T và bà T, kết quả xác minh như sau:

Tại Biên bản xác minh ngày 22-9-2019 (bút lục số 32), Trưởng khu phố Núi Tung cung cấp như sau: Ông T và bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Do vợ chồng ông T, bà T sống cách xa khu dân cư nên cụ thể mâu thuẫn vợ chồng như thế nào chính quyền địa phương không rõ. Tuy nhiên, từ khoảng một năm nay, ông T và bà T không còn sống chung. Ông T sống một mình ở rẫy, còn bà T đã đi nơi khác sinh sống, cụ thể ở đâu chính quyền địa phương không nắm được.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T; về con: Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu; về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T, vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án: “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú: Khu phố Núi Tung, phường T, thành phố L, tỉnh Đ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà T và ông T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự (Bút lục số 31, 47).

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Lời khai của các đương sự về quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà T xuất phát từ việc ông T thường xuyên sử dụng rượu, bia là có thật. Qua đó, có đủ cơ sở để xác định:

Trong quá trình sống chung, vợ chồng ông T, bà T đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T yêu cầu ly hôn; ông T chấp nhận ly hôn với bà T là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con: Ông T và bà T có hai người con là: Nguyễn Minh Thành, sinh ngày 09-12-1996 và Nguyễn Thị Vân Lam, sinh ngày 19-10-2001. Đến thời điểm xét xử, các con đều đã thành niên và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét, giải quyết; về nợ chung: Các đương sự xác định, không có nợ chung nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó bà phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

T xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Minh T về việc “Ly hôn” đối với ông Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trương Thị Minh T và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con: Các con Nguyễn Minh Thành, sinh ngày 09-12-1996 và Nguyễn Thị Vân Lam, sinh ngày 19-10-2001, hiện đã thành niên và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu; về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trương Thị Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba

trăm nghìn đồng) bà T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 009809 ngày 10-7-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Đ. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố L;
- Chi cục THA thành phố L;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường T (số 75/1996, ngày 29-7-1996, để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tố

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đăng Tổ

Nơi nhận:

- VKSND thành phố L;
- Chi cục THA thành phố L;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Bảo Vinh (số 192/2004, ngày 09-12-2004, để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tố